

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt
Nam trở thành quốc gia biển mạnh và Chương trình số 34-CTr/TW
ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (*viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW*) và Chương trình số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW (*viết tắt là Chương trình số 34-CTr/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; phát huy tiềm năng, lợi thế biển, xây dựng Quảng Ngãi trở thành tỉnh mạnh về biển, góp phần xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và sức mạnh của Nhân dân, doanh nghiệp; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn ra biển lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW, bảo đảm thống nhất về nhận thức và hành động; triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn và điều kiện của tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của từng cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu; xác định rõ cơ quan chủ trì, phối hợp, tiến độ, nguồn lực và kết quả đầu ra; lấy kết quả, chất lượng, hiệu quả thực hiện và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá.

- Rà soát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW để cập nhật, bổ sung chương trình, kế hoạch, đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*viết tắt là Nghị quyết số 12-NQ/TU*), trên cơ sở đó, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu quả, khả thi; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển Quảng Ngãi trở thành tỉnh mạnh về biển, là một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên; kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững, trở thành động lực quan trọng, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh, có năng lực cạnh tranh cao. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái biển và bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển trên cơ sở nền quản trị biển hiện đại, tổng hợp, thống nhất, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dữ liệu số. Chất lượng cuộc sống của Nhân dân vùng biển, hải đảo được cải thiện và nâng cao; văn hóa biển được gìn giữ và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển được tăng cường, giữ vững.

2. Chỉ tiêu đến năm 2030

(Các chỉ tiêu thực hiện Chương trình hành động tại Phụ lục kèm theo)

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Quảng Ngãi là tỉnh mạnh về biển, duy trì vị trí trong nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên; kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt trong cơ cấu nền kinh tế. Nền quản trị biển hiện đại; khoa học, công nghệ biển tiên tiến; tài nguyên, môi trường và các hệ sinh thái biển được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng biển, đảo được nâng cao toàn diện; văn hóa biển được bảo tồn, phát huy; quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển góp phần xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị để phát triển tỉnh mạnh về biển

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển góp phần xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới mạnh mẽ nhận thức, tư duy và tầm nhìn về phát triển quốc gia biển mạnh; các cấp ủy, chính quyền tiếp tục quán triệt, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của biển, đảo trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định xây dựng và phát triển tỉnh mạnh về biển là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng; nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại về biển, đảo; phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông và mạng xã hội. Nâng cao nhận thức biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại, hội nhập quốc tế và bảo vệ môi trường.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động và tham gia xây dựng, thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ngãi trở thành tỉnh mạnh về biển, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

** Cơ quan phối hợp:* Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị để phát triển tỉnh mạnh về biển

- Chuyển mạnh từ tư duy khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế biển đơn thuần sang tư duy phát triển toàn diện không gian biển; từ quản lý theo ngành sang quản trị hiện đại, tổng hợp, thống nhất không gian biển trên cơ sở dữ liệu số và quy hoạch không gian biển quốc gia. Quản trị đồng bộ vùng biển, đáy biển, lòng đất dưới biển, các đảo, vùng ven biển và vùng trời trên biển; bảo đảm liên kết, điều phối hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương; hài hòa giữa phát triển và bảo tồn, giữa lợi ích quốc gia và lợi ích địa phương, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, quản trị rủi ro và hoạch định chính sách; chủ động nhận diện xu hướng phát triển, các ngành, lĩnh vực và không gian biển mới phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển bền vững kinh tế biển; hoàn thiện cơ chế điều phối thống nhất, tập trung, đồng bộ, hiệu quả, giải quyết các

vấn đề liên ngành, liên vùng; tăng cường năng lực quản trị biển, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan phối hợp:* Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh; Đảng ủy Quân sự tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2. Rà soát, hoàn thiện thể chế, tạo đột phá trong hành động để phát triển tỉnh Quảng Ngãi thành tỉnh mạnh về biển

2.1. Rà soát, hoàn thiện thể chế tạo đột phá trong hành động

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản trị tài nguyên biển; đổi mới tư duy từ quản lý theo ngành sang quản lý theo không gian, dựa trên chức năng của hệ sinh thái và sự điều phối liên ngành có hiệu quả. Rà soát, kịp thời đề xuất tháo gỡ những điểm nghẽn, chông chéo, bất cập trong thực hiện pháp luật về biển, đảo và các lĩnh vực có liên quan; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, gắn trách nhiệm của cơ quan thực thi với kết quả thực hiện.

- Tập trung xây dựng, triển khai Đề án cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh cho đặc khu Lý Sơn.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách tài chính đặc thù để huy động và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và hạ tầng logistics, góp phần khắc phục tình trạng hạ tầng xuống cấp.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan phối hợp:* Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Đảng ủy Công an tỉnh; Đảng ủy Quân sự tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2.2. Hoàn thiện công cụ quản lý tổng hợp và điều phối phát triển không gian biển

- Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành Trung ương trong rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Sau khi có hướng dẫn của Trung ương, hoàn thành phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch tỉnh; kết nối đồng bộ không gian đất liền, biển, vùng trời và các không gian

phát triển mới; làm căn cứ phân bổ nguồn lực, giải quyết xung đột, chồng lấn trong khai thác, sử dụng không gian biển.

- Nghiên cứu thực hiện hoạt động lấn biển tại các khu vực phù hợp trên cơ sở quy hoạch, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu; không làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan và quyền tiếp cận biển của người dân.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tác động tiêu cực, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường biển.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là doanh nghiệp quy mô lớn

- Hoàn thiện cơ chế để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, hỗ trợ các doanh nghiệp có vai trò nòng cốt trong các lĩnh vực phát triển hạ tầng, năng lượng tái tạo, logistics, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ cao thân thiện với môi trường.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn; mở rộng hợp tác công - tư; thúc đẩy các công cụ tài chính xanh, tài chính bền vững; nâng cao khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp; nghiên cứu thực hiện cơ chế chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp theo quy định.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nhà đầu tư chiến lược; phát triển doanh nghiệp biển có vai trò dẫn dắt, quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh, doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị biển và đại dương.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 4, Phần IV Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

- Xây dựng, cập nhật, tích hợp, kết nối và khai thác hiệu quả dữ liệu về tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về biển; xây dựng bản đồ số biển, đảo, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và dữ liệu.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ kinh tế biển, kinh tế đảo và khai thác bền vững tài nguyên biển. Trong đó, tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý tài nguyên, môi trường biển, vùng ven biển và hải đảo; trong nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm biển; bảo tồn hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành kinh tế biển; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo biển phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Ứng dụng hiệu quả AI và tự động hóa vào hỗ trợ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp về phát triển kinh tế biển.

- Rà soát nhu cầu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao; chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý và lao động có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển; có cơ chế thu hút, trọng dụng và phát huy đội ngũ chuyên gia trong và ngoài tỉnh.

* *Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

* *Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

* *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và thường xuyên.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh và các ngành, lĩnh vực biển mới

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 3, Phần IV Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

- Phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên các mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ biển thông minh, phát thải thấp, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng; hình thành các không gian phát triển đa mục tiêu, hạ tầng dùng chung gắn với quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển.

- Phát triển hệ thống cảng biển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại; nâng cao hiệu quả dịch vụ logistics hàng hải và khả năng kết nối với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không; phát triển công nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu biển gắn với công nghiệp phụ trợ và dịch vụ.

- Cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao; ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác, bảo quản và chế biến thủy sản; phát triển các hình thức bảo hiểm thủy sản phù hợp.

- Phát triển năng lượng tái tạo biển và các ngành, lĩnh vực biển mới phù hợp với quy hoạch, tiềm năng, lợi thế và điều kiện của tỉnh; nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học biển, khử mặn nước biển, nhiên liệu và năng lượng xanh.

- Phát triển du lịch và dịch vụ biển trở thành ngành kinh tế quan trọng, có thương hiệu, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, tài nguyên và hệ sinh thái biển, đảo.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển, hình thành cực tăng trưởng mới tại khu vực miền Trung

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại: Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia; mục 5 và mục 6, Phần IV Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

- Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối; ưu tiên hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng, hạ tầng số và các công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao hiệu quả kết nối giữa đất liền với biển, đảo; giữa Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cảng biển với các hành lang kinh tế, trung tâm sản xuất, tiêu dùng trong tỉnh, khu vực và cả nước.

- Phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng, gắn với hệ thống cảng biển, logistics, công nghiệp, dịch vụ, năng lượng và đô thị; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để hình thành các không gian phát triển mới.

- Phát triển hệ thống đô thị biển xanh, thông minh, có bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ưu tiên đầu tư, kiên cố hóa các công trình văn hóa, xã hội, hạ tầng thiết yếu tại vùng ven biển và đặc khu Lý Sơn.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu tại các địa phương có biển

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 7, Phần IV Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

- Bảo vệ đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển, đảo, vùng ven biển; phục hồi nguồn lợi thủy sản; mở rộng, quản lý hiệu quả Khu bảo tồn biển Lý Sơn, các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao; bảo vệ, phục hồi rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều và các hệ sinh thái đặc thù.

- Kiểm soát chặt chẽ nguy cơ gây ô nhiễm từ các hoạt động, nguồn thải trên đất liền, ven biển, hải đảo và trên biển; tăng cường thu gom, xử lý chất thải, nhất là chất thải nhựa ven biển; đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Rà soát, đánh giá toàn diện nguy cơ và thiết lập kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các khu đô thị, hạ tầng ven biển; nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn và các rủi ro sinh thái.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê biển gắn với tuyến đường bộ ven biển, các công trình phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn; phục hồi, phát triển rừng phòng hộ ven biển và các vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió; phòng, chống xói lở, bảo vệ đường bờ biển, cảnh quan và không gian ven biển.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trong bảo vệ, phục hồi, quản lý và phát huy giá trị bền vững của khu bảo tồn biển Lý Sơn, các sinh cảnh có giá trị và các hệ sinh thái biển.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 8, Phần IV Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

- Bảo tồn, tôn tạo, số hóa và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, di sản biển, đảo gắn với xây dựng bản sắc văn hóa biển; phát triển các khu đô thị xanh, hiện đại ở vùng ven biển, hải đảo gắn với xây dựng công viên biển, quảng trường biển; hình thành văn hóa ứng xử hài hòa với biển, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái biển và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo trong phát triển không gian biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo. củng cố thể trận lòng dân trên biển; phát huy

vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển.

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng thiết yếu; nâng cao khả năng tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa cho người dân vùng biển, đảo.

- Hỗ trợ ngư dân và cư dân vùng biển, đảo phát triển sinh kế bền vững; thúc đẩy chuyển đổi nghề, đào tạo nghề, giải quyết việc làm phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế biển.

- Xây dựng và triển khai đề án nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân vùng biển, đảo.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế

Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp tại mục 9, Phần IV Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

- Làm tốt công tác bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biển, đảo; bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ; giữ vững an ninh, trật tự các địa bàn, mục tiêu, lĩnh vực trọng điểm. Kịp thời phát hiện, tham mưu giải quyết các vấn đề phức tạp, không để hình thành điểm nóng; chủ động phòng ngừa, đấu tranh kéo giảm tội phạm, tệ nạn, tai nạn, xây dựng khu vực biển, đảo an ninh, an toàn.

- Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại; bảo vệ, hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, góp phần duy trì sự hiện diện và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển.

- Kiên trì thúc đẩy giải quyết các vấn đề phát sinh trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; thực hiện đầy đủ, hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); góp phần thúc đẩy xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) thực chất, hiệu lực, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

- Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng, chính quyền địa phương kiểm soát chặt chẽ tàu cá có nguy cơ; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tàu cá vi phạm khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, tàu cá mất kết nối hệ thống giám sát hành trình, hoạt động sai vùng, vượt ranh giới cho phép; kịp thời xác minh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực, khả năng phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển; chủ động xây dựng phương án, duy trì lực lượng, phương tiện sẵn sàng xử lý kịp thời các tình huống, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước, Nhân dân.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học biển, điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế biển, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ biển; nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại về biển, đảo.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, năng lực hội nhập quốc tế; tăng cường cử cán bộ, chuyên gia tham gia các tổ chức, cơ chế, diễn đàn và thiết chế quốc tế về biển và đại dương theo thẩm quyền và điều kiện thực tế của tỉnh.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy UBND tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* UBND tỉnh; các sở, ban ngành, địa phương có liên quan.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt và cụ thể hóa nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này để tổ chức thực hiện; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; xem xét, quyết định việc phân bổ nguồn lực và tăng cường giám sát việc thực hiện Chương trình hành động này.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này để cán bộ, đảng viên và Nhân dân nâng cao nhận thức, thống nhất trong hành động, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động này.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng Trung ương và các vụ địa phương (báo cáo);
- Đảng ủy: Các cơ quan Đảng tỉnh; HĐND tỉnh; UBND tỉnh; MTTQ, các đoàn thể tỉnh; Quân sự tỉnh; Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



U Huấn

Phụ lục

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW, CHƯƠNG TRÌNH SỐ 34-CTr/TW
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 11/9/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cấp ủy chủ trì
I	<i>Chỉ tiêu về kinh tế</i>	
1	Tổng giá trị sản phẩm của các xã, phường, đặc khu có biển đóng góp trên 65% tổng giá trị sản phẩm của toàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Tài chính)
2	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt từ 10%/năm trở lên	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Tài chính)
3	Tốc độ tăng trưởng của ngành thủy sản đạt 4,18%/năm, trong đó sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030 đạt 267.882 tấn, tỷ lệ sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng chứng nhận, kiểm soát khai thác hợp pháp đạt 100%	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường)
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 30% trong GRDP của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ)
II	<i>Chỉ tiêu về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số</i>	
1	Tối thiểu 60% doanh nghiệp hoạt động trong các ngành kinh tế biển ứng dụng công nghệ số, AI, dữ liệu lớn hoặc Internet vạn vật (IoT) trong quản trị, sản xuất, kinh doanh	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ)
III	<i>Chỉ tiêu về quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững</i>	

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cấp ủy chủ trì
1	Quản lý, bảo vệ và tăng diện tích Khu bảo tồn biển Lý Sơn, các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản phần đầu góp phần đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; tỷ lệ che phủ rừng ở các xã, phường có biển đạt 16,66%	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường)
2	Hoàn thành phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường)
3	98% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn; 95% chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom và xử lý theo quy định ở các xã, phường có biển	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường) Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
4	100% chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường) Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
5	100% khu công nghiệp ven biển thuộc Khu kinh tế Dung Quất đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi)
IV	<i>Chỉ tiêu về phát triển không gian biển, hạ tầng biển</i>	
1	Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Xây dựng, Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Đảng ủy Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông)
2	Đặc khu Lý Sơn được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ	Đảng ủy Quân sự tỉnh
V	<i>Chỉ tiêu về văn hóa, xã hội</i>	

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cấp ủy chủ trì
1	100% di sản văn hóa biển được số hóa	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo; Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi) Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
3	Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh thuộc nhóm trung bình chung của cả nước	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Tài chính)
4	Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh tăng bình quân 9% - 10%/năm	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Tài chính) Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
5	Phấn đấu đến năm 2030 các xã, phường, đặc khu có biển cơ bản không còn hộ nghèo	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường) Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
6	100% người dân ở vùng ven biển được tiếp cận điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Tài chính) Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
VI	Chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại	
1	Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp	Đảng ủy Công an tỉnh; Đảng ủy Quân sự tỉnh

TT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cấp ủy chủ trì
	trên biển. 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn	
2	100% các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống	Đảng ủy Quân sự tỉnh; Đảng ủy các xã, phường có biển, đặc khu Lý Sơn
3	Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tăng cường mở rộng và hợp tác quốc tế về biển	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Ngoại vụ)
VII	<i>Chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội tại đặc khu Lý Sơn</i>	
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế của đặc khu Lý Sơn đạt 6,5%; đến năm 2030, thương mại - dịch vụ chiếm 50,2%, nông nghiệp chiếm 37,2%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 12,6%, 100% người dân được tiếp cận điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục. Xây dựng đặc khu Lý Sơn thành đảo du lịch sinh thái gắn với phát triển đô thị xanh, thông minh và các căn cứ dịch vụ hậu cần trên biển. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, môi trường, trong đó tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 8,32%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt 95% trở lên; 100% chất thải y tế được xử lý theo quy định.	Đảng ủy đặc khu Lý Sơn
2	Có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải theo quy định	Đảng ủy UBND tỉnh (Đảng ủy Sở Xây dựng) Đảng ủy đặc khu Lý Sơn